

MẸ VÀ CON CÁI SAU LY HÔN:

Báo Cáo Từ Nghiên Cứu Dài Hạn 25 Năm

[MOTHERS AND THEIR CHILDREN
AFTER DIVORCE:
Report From a 25-Year Longitudinal Study]

Tiến sĩ Judith Wallerstein, *Trung tâm cho Gia đình trong Giai đoạn
Chuyển đổi, Corte Madera, CA*

Tiến sĩ Julia Lewis, *Đại học Bang San Francisco*

Thạc sĩ Công tác Xã hội Sherrin Packer Rosenthal
Hoạt động độc lập, Quận Marin, California

Thư từ liên quan đến bài viết này nên được gửi đến Julia Lewis, Khoa Tâm lý học, Đại học
Bang San Francisco, 1600 Holloway Avenue, San Francisco, CA 94132. E-mail:

jmlewis@sfsu.edu

Đây là một nghiên cứu định tính (qualitative), dài hạn (longitudinal) trong 25 năm về mối quan hệ giữa mẹ và con trong một nhóm cư dân trung lưu (middle-class), không kiện tụng (nonlitigating), đã ly hôn (divorced) ở California. Tại thời điểm ly hôn, tất cả trẻ em đều được đánh giá lâm sàng (clinically evaluated) là đạt chuẩn về mặt học tập (academically) và phát triển (developmentally). Các bà mẹ đã thể hiện năng lực chu đáo và yêu thương trong vai trò cha mẹ trong giai đoạn hôn nhân. Chúng tôi nhận thấy rằng hơn một nửa số bà mẹ, đặc biệt là

những người có hai hoặc nhiều con nhỏ, đã ít sẵn sàng và ít phản hồi với con cái của họ trong những năm sau ly hôn hơn so với trong thời gian hôn nhân đang đổ vỡ. Một phần ba số bà mẹ, trong khoảng bốn năm trở lên, đã chuyển ưu tiên từ việc nuôi dạy con cái ngay sau ly hôn để xây dựng lại các mối quan hệ thân mật (intimate relationships) cùng với việc đào tạo chuyên sâu (intensive training) nhằm đạt được sự độc lập kinh tế (economic independence). Trong những năm này, nhiều thanh thiếu niên (adolescents) đã tham gia vào các hoạt động phạm tội và trốn học, điều này đã giảm bớt khi người mẹ tiếp tục giám sát và ổn định [lại] cuộc sống gia đình. Một sự sụp đổ nghiêm trọng trong việc làm mẹ đã xảy ra đối với một phần tư số bà mẹ, những người đã gặp khó khăn trong suốt quá trình hôn nhân đổ vỡ với các vấn đề tâm thần (psychiatric problems), và sau khi ly hôn, [bị] mất quyền tiếp cận với điều trị tâm lý liên tục và cấu trúc gia đình ổn định (stable family structure). Hầu hết không thể phục hồi (most failed to recover) và đã được chăm sóc bởi con cái tuổi vị thành niên của họ, những người mà chính họ cũng đang cần sự nuôi dưỡng và hỗ trợ. Những phát hiện này thách thức [các] quan điểm cho rằng ly hôn chỉ là một cuộc khủng hoảng có giới hạn thời gian (time-limited crisis), và trẻ em với việc tiếp tục tiếp cận cả hai phụ huynh sẽ phục hồi trong vòng dưới một năm sau khi hoàn tất quá trình kiện tụng. Sự gắn bó giữa mẹ và con bị ảnh hưởng bởi sự nuôi dạy con cái bị giảm sút (diminished parenting) thường xảy ra như một kết quả của các biến số cần được điều tra thêm.

Từ khóa: mối quan hệ mẹ-con sau ly hôn, ảnh hưởng đến sự gắn bó, nuôi dạy con sau ly hôn, sự dễ bị tổn thương của thanh thiếu niên sau ly hôn của cha mẹ, tái hôn và trẻ em.

Nuôi dạy con cái sau ly hôn (parenting after divorce), dù là quyền nuôi con độc quyền (sole) hay chung (joint custody), khác biệt đáng kể so với việc nuôi dạy trong gia đình có hôn nhân vẫn đang duy trì (married family). Đề tài nghiên cứu của chúng tôi là: cách tài chính và nguồn lực tình cảm của người mẹ ly hôn, cũng như sự thay đổi vai trò của họ ảnh hưởng như thế nào đến cách họ nuôi dưỡng con cái trong những năm sau ly hôn, hậu quả đối với cuộc sống của chính họ, cũng như mối gắn kết và các mối quan hệ tiếp theo với con cái của họ. Các báo cáo liên tục về nỗ lực của phụ nữ và đàn ông ly hôn trong việc giải quyết xung

đột và xây dựng lại các mối quan hệ thân mật mới đã cho thấy một phạm vi rộng lớn của cả thành công và thất bại. Ngoài ra, các nghiên cứu đã báo cáo rằng nhiều bà mẹ ly hôn sống trong hoàn cảnh kinh tế suy giảm, và do đó có sự khổ đau trong nhiều hộ gia đình do phụ nữ làm chủ (Teachman & Paasch, 1994; Grall, 2011). Chúng tôi đề xuất rằng tuổi tác và nguồn lực của người mẹ, hoàn cảnh của cuộc ly hôn, số lượng và độ tuổi của các con, quá trình và chất lượng cuộc sống của người mẹ trong những năm sau ly hôn có thể chi phối chất lượng mối quan hệ và sự gắn bó giữa mẹ và con, cũng như phản ứng của trẻ đối với những thay đổi, ít nhất là bằng hoặc thậm chí hơn những cảm xúc mạnh mẽ của cha mẹ khi chia tay, những điều đến nay đã nhận được phần lớn sự chú ý của chuyên gia và công chúng.

Những nhiệm vụ ngay lập tức mà cha mẹ phải đối mặt khi ly hôn là rất khó khăn. Chúng bao gồm việc tách biệt đau đớn đời sống cá nhân, và đồng thời xây dựng hai hộ gia đình hoạt động cùng lúc khi họ phải đối mặt với tiếng ồn ào của những đứa trẻ lo lắng. Mặc dù trẻ em có nhu cầu cao về thời gian và sự hỗ trợ trong cuộc khủng hoảng này, thường thì xảy ra sự suy giảm cả về số lượng và chất lượng chăm sóc của cha mẹ, điều mà chúng tôi và những người khác đã báo cáo là sẽ kéo dài trung bình trong hai năm (Hetherington & Kelly, 2002; Wallerstein, Lewis, & Blakeslee, 2000). Những vấn đề mà chúng tôi khám phá ở đây liên quan đến việc nuôi dạy của người mẹ trong những năm tiếp theo khi cuộc khủng hoảng cấp tính lắng xuống, khi cô ấy tìm cách lấy lại cân bằng tâm lý và giải quyết những xung đột tình cảm của thất bại hôn nhân, và khi cô ấy thiết lập được, hoặc không thiết lập được, một hộ gia đình ổn định, có khả năng kinh tế và chăm sóc trẻ em, dưới tư cách là một phụ huynh đơn thân, tái hôn, hoặc có đối tác mới. Nhiệm vụ của cô ấy cũng bao gồm việc thiết lập mối quan hệ hiệu quả với cha của các con, và thường là, với một mẹ kế (stepmother) và con riêng (stepchildren), những người đôi khi có những tiếng nói không hài hòa làm phức tạp thêm tình hình. Những yêu cầu mạnh mẽ này, cùng với những yêu cầu khác, tái tạo toàn bộ cuộc sống của người mẹ ly hôn và, như chúng tôi báo cáo ở đây, ảnh hưởng đến cả khả năng của cô ấy trong việc duy trì sự gắn bó nhất quán với tất cả các con của mình và do đó là chất lượng nuôi dưỡng của cô ấy.

Các căn nguyên tâm lý của việc làm mẹ đã được hiểu trong phân tâm học và lý thuyết gắn bó (attachment theory) nằm ở những mẫu gắn bó và nhận dạng sớm nhất của người mẹ, có nguồn gốc từ những trải nghiệm thời thơ ấu và niên thiếu của chính cô ấy (Chodorow, 1978; Steele & Steele, 1999). Cảm xúc của người mẹ, thái độ và mối quan hệ với từng đứa trẻ cũng được hình thành trong quá trình tương tác với đứa trẻ đó khi chúng lớn lên, và liên tục được tái hình thành bởi những ký ức, xung đột, lo lắng và phòng vệ ý thức lẫn vô thức của người mẹ tại mỗi giai đoạn phát triển. Trong báo cáo này, mối quan hệ giữa mẹ và con được nuôi dưỡng và củng cố bởi tình yêu, sự trân trọng và sự hỗ trợ, những điều được cung cấp trong một cuộc hôn nhân đủ tốt, bền vững và thậm chí, chúng tôi sẽ tranh luận, trong một cuộc hôn nhân đang thất bại. Sau ly hôn, người mẹ phải đối mặt với nhiệm vụ khổng lồ là phân loại (compartmentalizing) sự tức giận, đau khổ và thất vọng trong cuộc hôn nhân thất bại, và giữ những cảm xúc ấy riêng biệt khỏi việc nuôi dạy con cái, và thực tế là, riêng biệt khỏi mối quan hệ tiếp tục với chồng cũ của mình. Ngoài ra, người mẹ thường phải đối mặt với áp lực kinh tế lớn hơn (greater economic pressures) của cuộc sống sau ly hôn, nỗi cô đơn khi nuôi con một mình (the loneliness of sole parenting), và sự dễ bị tổn thương khi bước vào cuộc sống xã hội sau ly hôn như một người phụ nữ đơn thân có con cái cần quan tâm. Không tránh khỏi, những khao khát mạnh mẽ của người mẹ đối với tình yêu, tình dục và sự đồng hành sẽ xung đột với những áp lực mạnh mẽ không kém trong việc chăm sóc con cái của mình. Cơ sở tình cảm của cuộc hôn nhân đã tạo nên và hỗ trợ đơn vị cha mẹ - con cái biến mất, và các bà mẹ (cũng như các ông bố) phải có nguồn lực, mà trước đây không thể tưởng tượng được, để lấp đầy khoảng trống này để duy trì mối liên kết cảm xúc với con cái và tạo ra một cấu trúc nuôi dạy mới (new parenting structure). Những xung đột nội tâm và ngoại giới này diễn ra trong tâm lý của từng người mẹ, và mỗi người phụ nữ giải quyết chúng theo cách của riêng mình. Một số phụ nữ được quan sát thấy vẫn mắc kẹt trong sự tức giận và thất vọng của sự chia ly, trong khi những người khác tiến tới một cuộc sống hạnh phúc hơn, một mình hoặc trong một mối quan hệ mới. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra một loạt các khó khăn ở trẻ em, thường tăng lên khi chúng đạt đến tuổi trưởng thành (Wallerstein và cộng sự, 2000).

Tổng Quan Nghiên Cứu Học Thuật

Các phát hiện từ nhiều góc độ khác nhau đã nhấn mạnh sự thay đổi trong mối quan hệ mẹ và con trong những năm sau ly hôn. Một số nghiên cứu định lượng đã phát hiện ra rằng các bà mẹ ly hôn cảm nhận sự giảm sút trong sự hỗ trợ xã hội và sự gia tăng trong khó khăn, thiếu thốn, và căng thẳng của người làm cha mẹ (Osborne, Berger, & Magnuson, 2012). Các nghiên cứu về mối quan hệ mẹ và con trong các gia đình ly hôn cũng báo cáo rằng các bà mẹ ly hôn thể hiện ít sự ấm áp (warmth), ít nhạy cảm (sensitivity) và ít giám sát con cái (monitoring of the children) hơn so với các bậc cha mẹ trong gia đình có hai cha mẹ. Các nhà nghiên cứu thường gán sự thay đổi trong cách làm mẹ (mothering) mà họ quan sát được cho sự căng thẳng từ việc giảm đáng kể thu nhập (significantly reduced income) và sự bần cùng hóa (impoverishment / nghèo khó dần dần) của nhiều bà mẹ ly hôn (Hetherington & Clingempeel, 1992; Leinonen, Solantaus, & Punamäki, 2002).

Một số nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng ly hôn liên quan đến sự suy yếu của mối liên kết cảm xúc (weakened emotional bonds) giữa cha mẹ và con cái ở tuổi trưởng thành (Zill, Morrison, & Coiro, 1993). Một nghiên cứu lớn về mối quan hệ liên thế hệ (intergenerational relationships) cũng phát hiện ra rằng ly hôn làm suy yếu sự gắn gũi giữa các thế hệ (Silverstein, & Bengtson, 1997). Một nghiên cứu lớn khác về mối quan hệ cha mẹ - con cái trong các gia đình ly hôn từ cuộc ly hôn đầu tiên qua hai thế hệ tiếp theo (Amato & Cheadle, 2005) đã phát hiện ra mức độ căng thẳng cao hơn giữa cả cha mẹ và con cái trong mỗi ba thế hệ so với các gia đình nguyên vẹn tương đương. Nghiên cứu khác thì cho thấy sự ấm áp và gắn gũi hơn giữa các bà mẹ ly hôn và con gái của họ, kéo dài cho đến tuổi trưởng thành, so với mối quan hệ mẹ con trong các gia đình nguyên vẹn / intact families (Arditti, 1999).

Các nghiên cứu lâm sàng cũng đã nhấn mạnh một số khó khăn mà các bà mẹ và trẻ em trải qua. Một nghiên cứu gần đây theo dõi 37 trẻ em từ các gia đình ly hôn xung đột cao trong suốt 15-20 năm sau ly hôn (Johnston, Roseby, & Kuehnle, 2009). Những đứa trẻ được nuôi dưỡng trong quyền nuôi con chung sau quá trình hòa giải kéo dài, bởi các bậc cha mẹ kiện tụng, những người mà phần lớn không giải quyết được sự

thù địch lẫn nhau trong những năm tiếp theo. Đến cuối nghiên cứu, những đứa trẻ giờ đã đạt đến tuổi trưởng thành, vẫn giữ mối quan hệ gần gũi với cả hai bậc cha mẹ theo thỏa thuận hòa giải, nhưng ước tính 40% trong số chúng gặp phải các triệu chứng tâm lý nghiêm trọng. Những rối loạn nghiêm trọng trong việc nuôi dạy con cái (serious disturbances in parenting) đã được phát hiện trong quá trình theo dõi, mà không được xác định trong quá trình đánh giá trước đó. Một nghiên cứu dài hạn về mẫu gắn bó của 50 em bé và mẹ của chúng từ các gia đình nguyên vẹn được đánh giá lại 20 năm sau, sử dụng Phỏng vấn Gắn bó Người Lớn (Adult Attachment Interview), đã báo cáo sự thay đổi từ mẫu gắn bó an toàn sang mẫu gắn bó không an toàn trong 67% người trưởng thành trẻ trải qua một hoặc nhiều sự kiện cuộc sống căng thẳng (stressful life events) như ly hôn, cái chết, hoặc các chấn thương lớn khác trong những năm lớn lên của họ. Điều này tương phản đáng kể so với sự thay đổi 15% trong những người mà cuộc sống của họ không chứa đựng những sự kiện căng thẳng như vậy (Waters, Merrick, Treboux, Crowell, & Albersheim, 2000). Phát hiện từ nghiên cứu đó chỉ ra rằng một trải nghiệm sống mạnh mẽ, như ly hôn của cha mẹ, có sức mạnh để thay đổi mẫu gắn bó cha mẹ - con cái từ an toàn sang không an toàn, liên quan trực tiếp đến trọng tâm chính của nghiên cứu này. Nghiên cứu của chúng tôi (Wallerstein & Lewis, 2009) đã chỉ ra những sự sụt giảm nghiêm trọng trong liên lạc của các ông bố với con cái từ cuộc hôn nhân đầu tiên, đặc biệt sau khi các ông bố tái hôn hoặc có đối tác mới. Sự rút lui cao của các ông bố cũng được báo cáo trong một nghiên cứu rất lớn gần đây của Canada (Juby, Billette, LaPlante, & Le Bourdais, 2007). Những phát hiện gần đây về sự giảm sút rất mạnh (steeply diminished) trong liên lạc cha con sau ly hôn đã củng cố sự quan tâm của chúng tôi trong việc xem xét quá trình quan hệ mẹ con trong những năm sau ly hôn.

Hiếm có nghiên cứu nào được công bố về quá trình lâu dài của mối quan hệ mẹ và con sau ly hôn đã tính đến nguyên nhân của cuộc ly hôn, cảm xúc của người mẹ về cuộc ly hôn, và nguồn lực kinh tế và tình cảm của người mẹ trước khi ly hôn, mặc dù chắc chắn là hợp lý khi nghĩ rằng những yếu tố này sẽ liên quan đến tâm trạng và quan điểm của người mẹ về trách nhiệm mới của mình. Ngoài ra, chiến lược nghiên cứu phổ biến trong giới nghiên cứu học thuật đã là chọn một "đứa trẻ

mục tiêu" trong mỗi gia đình để nghiên cứu (Hetherington & Kelly, 2002). Bằng cách bao gồm dữ liệu về người mẹ và mối quan hệ của cô ấy với tất cả các con của mình, chúng tôi có một vị trí độc đáo để khám phá sự khác biệt trong mối quan hệ mẹ và con dựa trên việc người mẹ có một hay nhiều con hoặc thanh thiếu niên trong mối quan tâm chăm sóc của cô ấy.

Nghiên Cứu Của Chúng Tôi

Để khám phá những vấn đề này, chúng tôi đã dựa trên một nghiên cứu định tính độc đáo gồm 60 gia đình, bao gồm cả cha mẹ và 131 đứa trẻ ở Bắc California, những người đã được phỏng vấn bởi các chuyên gia lâm sàng có kinh nghiệm và được đào tạo bài bản. Các nhà phỏng vấn có giấy phép về đào tạo đặc biệt trong công tác lâm sàng với trẻ em. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành vào các khoảng thời gian đều đặn 5 năm một lần kể từ thời điểm quyết định ly thân trước khi có ly hôn chính thức, và được thực hiện trong suốt 25 năm sau đó. Đây là cuộc hôn nhân đầu tiên ở 93% phụ nữ và 90% đàn ông. Tuổi trung bình của các bà mẹ khi nghiên cứu bắt đầu là 34 tuổi và tuổi trung bình của các ông chồng là 37. Mặc dù ít cặp vợ chồng đồng ý về quyết định ly hôn [ý là thường là ly hôn đơn phương từ vợ hoặc chồng, chứ ít khi cả 2 người cùng đồng thuận, thoải mái về quyết định ly hôn], họ không kiện tụng quyền nuôi con hay thăm con trong hoặc sau khi ly hôn. Các bậc cha mẹ chủ yếu là một nhóm dân cư thành thị trung lưu, có giáo dục tốt, và phần lớn là người da trắng. Ban đầu, các đứa trẻ có độ tuổi từ 3 đến 18. Tất cả trẻ em đều được đánh giá trước khi nghiên cứu để xác định liệu chúng có đạt các chỉ tiêu phát triển và học tập thích hợp hay không. Tất cả đều ở dưới quyền nuôi con độc quyền của mẹ (sole legal custody of their mothers), mặc dù 33% đã sống với cha của chúng trong một năm hoặc hơn trong thời gian thanh thiếu niên. Một nửa trong số những đứa trẻ này đã trở về nhà của mẹ sau một năm.

Mỗi thành viên gia đình được đánh giá riêng rẽ trong các cuộc phỏng vấn lâm sàng chi tiết tại thời điểm bắt đầu và sau đó tại 18 tháng, 5 năm, 10 năm và 15 năm. Tám mươi lăm phần trăm trẻ em nay đã trưởng thành được tìm thấy và phỏng vấn kỹ lưỡng tại thời điểm 25 năm sau ly hôn. Sự so sánh các gia đình không tham gia theo dõi sau 25 năm so

với những gia đình đã tiếp tục tham gia không cho thấy sự khác biệt đáng kể về mức độ kinh tế xã hội hoặc trình độ học vấn của cha mẹ hoặc tuổi tác hoặc trình độ học vấn của con cái, như được đo lường lần cuối tại cuộc theo dõi 10 năm.

Một số chuyên gia lâm sàng tiếp tục thực hiện theo dõi trong 10 năm. Tại cuộc theo dõi 25 năm, ngoại trừ tác giả chính, các cuộc phỏng vấn được thực hiện bởi một nhóm chuyên gia lâm sàng mới, đã được đào tạo. Các cuộc phỏng vấn được cấu trúc và bao gồm các nội dung đã được xác định trước liên quan đến ly hôn, quá trình sống sau ly hôn, cũng như các mối quan hệ, nhận thức, và cảm xúc về cha mẹ và những năm sau ly hôn. Cùng một bộ câu hỏi phỏng vấn được sử dụng ở mỗi thời điểm, với các câu hỏi bổ sung để bao gồm sự phát triển của trẻ em thành người lớn. Thông tin đầy đủ về nội dung của các cuộc phỏng vấn này và các phương pháp thu thập, giảm thiểu và phân tích dữ liệu có thể được tìm thấy trong Wallerstein và Blakeslee (1989) và Wallerstein và các cộng sự (2000). Việc phỏng vấn tất cả các anh chị em và cả hai bậc cha mẹ riêng biệt đã cung cấp dữ liệu quan trọng từ nhiều góc độ; sự liên tục tương đối của người phỏng vấn và phương pháp phỏng vấn đã tạo ra một sự tương tác nhanh chóng và sâu sắc, dẫn đến một hồ sơ phong phú về câu chuyện của mỗi người tham gia ở nhiều giai đoạn phát triển sau ly hôn. Những phát hiện từ nghiên cứu, kéo dài từ năm 1971 đến 2000, đã được báo cáo chi tiết trong bốn cuốn sách được dịch rộng rãi và hơn 80 bài báo trong các tạp chí chuyên ngành. Hai bài báo được công bố gần đây đã báo cáo sự khác biệt trong kết quả lâu dài cho các anh chị em và quá trình quan hệ cha con trong suốt 25 năm sau ly hôn (Wallerstein & Lewis, 2007, 2009). Báo cáo này đóng góp thông tin bổ sung vào kho kiến thức thông qua việc xem xét của chúng tôi về những biến động trong mối quan hệ mẹ con sau ly hôn và việc bao gồm dữ liệu về lịch sử trước và sau ly hôn của các bà mẹ chưa từng được báo cáo trước đây.

Hồ sơ của Các Bà Mẹ và Con Cái của Họ

Báo cáo này dựa trên 48 bà mẹ và 110 đứa con của họ, những người đã được phỏng vấn trong suốt thời gian 25 năm sau khi ly hôn. Ba nhóm

riêng biệt, dựa trên tính liên tục trong việc nuôi dưỡng của mẹ (continuity in maternal parenting), đã xuất hiện từ dữ liệu dài hạn, như được mô tả ngay sau đây.

Nhóm A: Liên tục trong Nuôi Dưỡng Tốt

Các bà mẹ trong Nhóm A duy trì việc nuôi dưỡng có trách nhiệm và nhạy cảm với tất cả các con của họ một cách nhất quán trong suốt 25 năm sau ly hôn. Họ ưu tiên việc nuôi dạy con cái trong suốt cuộc hôn nhân, và tiếp tục làm như vậy sau khi ly hôn, dù họ là một phụ huynh đơn thân hay tái hôn. Nhóm này bao gồm 46% các bà mẹ trong nghiên cứu: 22 bà mẹ và 50 mối quan hệ mẹ - con.

Nhóm B: Suy Giảm trong Nuôi Dưỡng: Thường Được Khôi Phục Sau Nhiều Năm

Các bà mẹ trong Nhóm B thể hiện sự giảm bớt thời gian và sự giám sát con cái của họ trong bốn năm hoặc nhiều hơn ngay sau ly hôn. Đôi khi mối liên lạc bị gián đoạn được khôi phục sau nhiều năm khi đứa trẻ đạt đến tuổi trưởng thành. Nhóm này bao gồm 29% các bà mẹ trong nghiên cứu: 14 bà mẹ và 36 mối quan hệ mẹ - con.

Nhóm C: Sự Đổ Ngược trong Nuôi Dưỡng của Mẹ

Đối với phụ nữ trong Nhóm C, ly hôn đã mở đầu một giai đoạn bất ổn, cô lập, và trầm cảm, đã hạn chế nghiêm trọng khả năng của họ trong việc cung cấp sự nuôi dưỡng đầy đủ cho con cái của mình. Thật bi thảm, quá trình suy giảm này tiếp tục trong suốt 25 năm sau ly hôn. Hai mươi lăm phần trăm các bà mẹ, bao gồm 12 bà mẹ và 24 mối quan hệ mẹ - con, rơi vào nhóm này.

Nhóm A: Sự liên tục trong trách nhiệm phụ huynh với tất cả các con

Mặc dù tất cả các bà mẹ trong Nhóm A (22 bà mẹ, 50 đứa trẻ) đã duy trì việc nuôi dạy con cái nhất quán và có trách nhiệm sau khi ly hôn, có những khác biệt đáng kể trong mối quan hệ mẹ con giữa những người

vấn độc thân trong những năm sau ly hôn và những người tái hôn hoặc có đối tác mới. Do đó, họ được mô tả riêng biệt.

Phụ Nữ Vấn Độc Thân

Tất cả phụ nữ trong nhóm này (tám bà mẹ, 19 đứa trẻ) đã nuôi dạy con cái của họ với tình yêu thương (affection) và nhất quán (consistency), cả trước và sau khi ly hôn. Tuổi trung bình của họ khi ly hôn là 37,8 tuổi. Bảy trong số tám bà mẹ trong nhóm này có hai hoặc nhiều con, với bốn người có ba hoặc nhiều con. Hai mươi lăm phần trăm trẻ em từ năm tuổi trở xuống; 60% đang học tiểu học (school aged, từ 6 - 12 tuổi); và 15% là thanh thiếu niên (adolescents / tuổi teen, từ 13 - 18 tuổi). Tất cả đã làm việc toàn thời gian (worked full time) trong thời gian hôn nhân, mặc dù một số người đã nghỉ làm toàn thời gian khi đứa con thứ ba của họ được sinh ra. Những người phụ nữ này bao gồm giáo viên đứng lớp (classroom teachers), một thủ thư (librarian), một cán bộ giám sát quản chế (probation officer), một y tá chuyên nghiệp (registered nurse) và một thợ may (dressmaker). Sau khi ly hôn, tất cả đều làm việc toàn thời gian. Thường xuyên phải hy sinh [nhu cầu] cá nhân và bất chấp chuyện phải làm việc toàn thời gian, việc chăm sóc trẻ em và sự ổn định của con cái vẫn là ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống của họ. Trong suốt những năm sau ly hôn, mối quan hệ tình cảm của họ với con cái vẫn mạnh mẽ và quan trọng nhất trong cuộc sống của các bà mẹ. Nhóm phụ nữ vấn độc thân này đã tự mình chịu trách nhiệm nuôi dạy con cái thành người lớn. Hầu hết chỉ nhận được sự hỗ trợ tài chính không đủ hoặc không thường xuyên từ cha của các bé. Ngoại trừ 2 người, tất cả những người cha còn lại đã tái hôn hoặc có đối tác mới ngay sau khi ly hôn, sau đó họ đã giảm đáng kể liên lạc với con cái của mình, thường chỉ liên lạc một hoặc hai lần mỗi năm (Wallerstein & Lewis, 2009). Mức sống trong gia đình của người mẹ đã giảm mạnh sau khi người cha tái hôn. Các bà mẹ không còn có khả năng hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa hoặc kỳ nghỉ mà con cái của họ [trước đây] đã tận hưởng trong thời gian hôn nhân hoặc đóng góp đáng kể cho học phí đại học của chúng. Chỉ có hai đứa trẻ trong nhóm này nhận được sự giúp đỡ tài chính từ cha của chúng cho việc học đại học, mặc dù tất cả (trừ hai người cha) đều tốt nghiệp đại học. Không có người mẹ nào nhận được sự giúp đỡ trực tiếp (hands-on help) từ cha của các bé hoặc từ các thành viên trong gia đình sau khi ly hôn. Một số bà mẹ thiếu bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và

con cái của họ. Kết quả là, một số tình trạng y tế nghiêm trọng không được điều trị, bao gồm khối u của một người mẹ và sự điếc một phần không được chẩn đoán ở một đứa trẻ.

Những yêu cầu của công việc toàn thời gian, kết hợp với việc nuôi dạy con cái, đặc biệt nặng nề đối với những người phụ nữ có quyền nuôi ba đứa trẻ trở lên, chiếm một nửa nhóm này. Một số phụ nữ đã mệt mỏi mãn tính (chronically tired) trong nhiều năm. Việc kết hợp chăm sóc trẻ em với công việc toàn thời gian còn khó khăn hơn đối với những bà mẹ tìm cách cải thiện kỹ năng tài chính (financial skills) của mình bằng cách học tập vào buổi tối. Một số người đã mô tả việc tự khóa mình trong phòng tắm vào ban đêm để học tập trong khi những đứa con nhỏ của họ ngồi chồm hổm bên ngoài cửa đã đóng, đợi mẹ xuất hiện trở lại. Chỉ có một người mẹ nhận được sự giúp đỡ tài chính từ ông bà để hoàn thành giáo dục đại học của chính mình. Ngoài ra, hai bà mẹ, mỗi người có ba đứa trẻ phải chăm sóc, còn có cha mẹ già đang ốm cần sự chăm sóc trực tiếp (hands-on care) thường xuyên của họ.

Bất chấp tất cả những gánh nặng mới này, các bà mẹ trong nhóm này đã có thể giữ nhu cầu của con cái là ưu tiên hàng đầu. Họ cẩn thận giới hạn chi tiêu cho nhu cầu của bản thân và chọn những công việc có tiềm năng thăng tiến hạn chế và đôi khi ít hấp dẫn, nhưng khá an toàn, cho phép họ có thời gian ở nhà vào đầu buổi tối và cuối tuần.

Tất cả phụ nữ trong nhóm này (trừ một người phụ nữ) đã hài lòng với cuộc hôn nhân và không mong đợi nó kết thúc. Tất cả, ngoại trừ hai vụ ly hôn, đều được kích hoạt bởi sự phát hiện đột ngột, đau lòng của người vợ về sự không chung thủy của chồng. Kết quả là, các bà mẹ phải gánh chịu nỗi buồn mất đi những giấc mơ mà cuộc hôn nhân đã mang lại, cùng với sự mất mát nguồn hỗ trợ tài chính mà hầu hết các cuộc hôn nhân đã cung cấp. Mặc dù nỗi buồn, khát khao, và cảm giác phần nộ của họ dần dần giảm bớt, ít người hoàn toàn phục hồi từ nỗi đau của mình. Những ký ức xâm nhập sống động và hậu quả bi thảm của sự phản bội kéo dài, dẫn đến sự nhận thức về các chấn thương chưa được chẩn đoán và điều trị. Vì vậy, một người mẹ trẻ của ba đứa trẻ mẫu giáo đã trở về sau một chuyến đi vài tuần để chăm sóc người mẹ bị ốm của mình và biết từ hàng xóm rằng chồng cô đã có một mối

quan hệ với một thiếu nữ trong thời gian cô vắng mặt. Bị sốc và vô cùng đau khổ trước sự phản bội của chồng trong cuộc khủng hoảng này của đời mình, cô đã nộp đơn ly hôn. Lắc đầu buồn bã, 8 năm sau, cô tiết lộ sự không hứng thú của mình với một luật sư hấp dẫn đã tìm cách hẹn hò với cô, bởi vì, như cô nói với chúng tôi, “Tôi không biết phải giải thích thế nào nhưng tôi đã mất *hứng thú* kể từ khi tôi ly hôn.”

Mặc dù các bà mẹ nhớ về sự đồng hành và tình dục mà cuộc hôn nhân đã mang lại, đồng thời, họ khinh thường những người đàn ông mà họ coi là không có trách nhiệm và bị chi phối bởi bản năng. Một đặc điểm đáng chú ý ở tất cả những người mẹ này là khả năng của họ trong việc giữ những cảm xúc này tách biệt và chủ yếu giấu kín khỏi con cái. Họ có thể làm dịu những câu hỏi buồn bã của trẻ về sự vắng mặt của cha, với những câu trả lời giữ gìn hình ảnh của người cha. Một số bà mẹ đi xa hơn và mời chồng cũ đã trải qua cuộc ly hôn thứ hai đến bữa tối đặc biệt trong dịp lễ (holiday dinner) với con cái của họ. Điều này là đáng chú ý, bởi vì sự rộng lượng của các bà mẹ diễn ra trước khi sự quan trọng của việc nuôi dạy chung (coparenting) được công nhận rộng rãi.

Những trải nghiệm không vui vẻ tiếp tục trong nhiều năm để tô màu kỳ vọng của nhóm này về đàn ông. Với một công việc toàn thời gian và nuôi dưỡng hai hoặc ba đứa trẻ một mình, những bà mẹ này có rất ít thời gian để tìm kiếm mối quan hệ mới. Mặc dù một nửa trong số họ đã tham gia vào một hoặc nhiều cuộc tình ngắn ngủi, hầu hết dần dần bị nản lòng về việc tìm kiếm một mối quan hệ ổn định, lâu dài. Khoảng một nửa có bạn thân hoặc là thành viên tích cực của các tổ chức dân sự và nhà thờ. Tuy nhiên, họ tiếp tục dựa vào mối quan hệ với con cái của họ như nguồn hỗ trợ cảm xúc chính (primary sources of their emotional support) trong suốt những năm qua. Nhóm này cũng phát triển khả năng gánh vác trách nhiệm nuôi dạy con cái và quản lý hộ gia đình, kết hợp với công việc toàn thời gian. Họ tự hào về những thành tựu của mình. Nhiều người đã cố gắng thành công để làm cho cuộc sống gia đình của họ trở nên sinh động hơn và bù đắp cho sự mất mát của con cái về những kỳ nghỉ thú vị và các đặc quyền khác mà bạn bè cùng lớp của chúng được hưởng. Một người mẹ đã sắp xếp để đưa ba cậu con trai của mình có chuyến đi đạp xe dài ngày qua châu Âu, mà họ nhớ mãi với niềm vui và lòng biết ơn.

Sự quan tâm liên tục của nhóm các bà mẹ này trong việc bảo vệ con cái khỏi cảm giác bị từ chối hoặc thiếu thốn đã trở thành một phần quan trọng của chương trình nuôi dạy con cái. Khi người cha rút lui khỏi việc thăm nom hoặc hỗ trợ con cái, một trong những nhiệm vụ chính của người mẹ là an ủi con cái về sự từ chối mà chúng cảm nhận được. Điều đặc biệt với các bà mẹ trong nhóm này, những người phụ nữ đã cố gắng hết sức, qua nhiều năm, để làm giảm bớt nỗi đau của con cái bằng cách giải thích sự rút lui của cha là do các yếu tố như công việc, chứ không phải do sự suy giảm sự quan tâm. Điều này đòi hỏi một nỗ lực bền bỉ và khả năng phân định cảm xúc thất vọng và phản bội dai dẳng của họ đối với người đàn ông và tiếp tục coi trọng anh ta như một người cha vì lợi ích của con cái.

Những bà mẹ này đã nhận được sự biết ơn và đánh giá cao vì lòng trung thành và sự hy sinh của họ. Khi các con lớn lên, chúng không chỉ biết ơn sâu sắc về tình yêu và sự nuôi dưỡng của mẹ mà còn nhận thức sâu sắc về sự phụ thuộc của mẹ vào sự hiện diện của chúng và lo lắng rằng việc chúng rời khỏi nhà sẽ khiến mẹ buồn. Hầu hết các đứa trẻ đã lý tưởng hóa mẹ của chúng như những người hùng vì sự hy sinh và tận tụy của mẹ, đồng thời thương cảm cho sự cô đơn và cuộc sống hạn chế của mẹ. Một cô gái trẻ gọi mẹ mình với nỗi buồn là “một người phụ nữ trong xiềng xích”. Một cô con gái khác, giờ đã là một phụ nữ trẻ, nói cay đắng: “Mẹ tôi chưa bao giờ dạy tôi về đàn ông. Bà ấy không biết gì cả.”

Phụ Nữ Tái Hôn

Tuổi trung bình của các bà mẹ trong nhóm này (14 bà mẹ, 31 đứa trẻ) khi ly hôn là 33,4 tuổi. Mười một trong số 14 bà mẹ trong nhóm này có hai đứa con; ba người phụ nữ có ba đứa con. Ba mươi hai phần trăm trẻ em từ 5 tuổi trở xuống, 39% đang đi học tiểu học (6 - 12 tuổi) và 29% là thanh thiếu niên (13 - 18 tuổi). Hầu hết những bà mẹ này tận hưởng thành quả của sự nghiệp được trả lương cao, mà họ đã giữ trong suốt cuộc hôn nhân và tiếp tục sau khi ly hôn. Một người phụ nữ là bác sĩ hành nghề (practicing physician), một người khác là biên tập viên cấp cao (senior editor), một số là giám đốc điều hành (executives) trong giới kinh doanh, và những người khác là quản lý trường học (school administrators). Chỉ có hai bà mẹ trong nhóm phụ này không làm việc

bên ngoài nhà trong thời gian hôn nhân, và họ được chồng cũ hỗ trợ rộng rãi và liên tục sau khi ly hôn.

Mười hai trong số 14 phụ nữ trong nhóm này đã tìm đến [quyết định] ly hôn bất chấp sự phản đối của chồng họ. Do đó, họ bước vào những năm sau ly hôn với một lịch sử và kỳ vọng hoàn toàn khác so với những người vẫn độc thân. Những phụ nữ [này] đã dẫn đầu trong việc kết thúc cuộc hôn nhân của họ mà không phải chịu đựng sự nhục nhã và đau khổ- là di sản của những người đã ly hôn được kích hoạt bởi sự không chung thủy của chồng. Do đó, việc cắt đứt mối liên kết cảm xúc với chồng cũ và bắt đầu lại dễ dàng hơn. Lý do cho các cuộc ly hôn rất đa dạng. Một cuộc hôn nhân tan vỡ khi người cha, người phản đối việc có con, bắt đầu uống rượu nặng sau khi vợ mang thai. Một người phụ nữ khác nộp đơn ly hôn sau khi chồng lái xe bất cẩn gây ra một tai nạn xe hơi nghiêm trọng làm cho đứa trẻ của họ bị tàn tật. Trong một trường hợp khác, người đàn ông trở nên ngày càng bất lực. Mặc dù trải qua cuộc khủng hoảng của ly hôn và sự từ chối của vợ, hơn một nửa số cha trong nhóm này vẫn duy trì liên lạc thường xuyên với con cái. Một phần, điều này là do khả năng của người mẹ phân định cảm xúc của mình về người đàn ông tách bạch với sự hiểu biết rằng cha và con cần nhau. Khả năng này đã giúp những người mẹ này tích cực thúc đẩy mối quan hệ cha con.

Nhìn chung, lựa chọn người chồng hoặc đối tác thứ hai của những người phụ nữ [trong nhóm] này thuận lợi hơn. Nhờ trình độ học vấn và tình trạng công việc, những người phụ nữ này đã tham gia vào các vòng tròn xã hội và công việc nơi họ có sự lựa chọn. Những người chồng thứ hai rất ân cần, và đời sống tình dục của cặp vợ chồng tái hôn được cải thiện nhiều so với cuộc hôn nhân trước. Khi tái hôn, tình hình tài chính của họ cũng được cải thiện. Một số bố dượng (stepfathers) đã trả tiền cho việc giáo dục đại học cho con riêng (stepchildren) [của vợ]. Các bà mẹ có thể chi trả cho nhân viên giúp việc lâu dài (long-term household help) và không bị quá tải (overburdened). Chỉ có hai người phụ nữ có con riêng [của chồng mới].

Các bà mẹ trong nhóm này tiếp tục chăm sóc tốt cho con cái của họ, mặc dù mối quan hệ của họ có phần xa cách hơn so với thời kỳ hôn

nhân đầu tiên, bởi vì các cam kết nghề nghiệp tốn nhiều thời gian và những đòi hỏi của cuộc hôn nhân mới. Cuộc sống của các em nhỏ được làm phong phú bởi những trường học tốt, bao gồm cả giáo dục đại học và nghề nghiệp. Hơn một nửa số cha trong nhóm này duy trì liên lạc thường xuyên với con cái của họ. Việc tạo dựng một gia đình tái hôn vừa dễ dàng hơn vừa khó khăn hơn cho người mẹ và trẻ em khi người cha tiếp tục là một phụ huynh tích cực. Sự yên bình của gia đình phụ thuộc một phần vào mối quan hệ giữa cha ruột và cha dượng cũng như giữa mẹ ruột và mẹ kế. Trong một số gia đình, cha ruột và cha dượng cạnh tranh nhau và mối quan hệ giữa hai người đàn ông này vẫn là một điểm nóng tiềm ẩn đòi hỏi sự cảnh giác liên tục của người mẹ và đôi khi làm cạn kiệt sự kiên nhẫn của bà. Tất cả phụ nữ trong nhóm này coi đây là một thách thức và dành sự chú ý liên tục cho nó. Kết quả là, ít có xung đột công khai giữa cha ruột và cha dượng trong nhóm này và ít xung đột giữa cha dượng và con cái của người mẹ từ cuộc hôn nhân đầu tiên [con riêng của vợ]. Thực tế, trong hầu hết các gia đình, sự tôn trọng và thậm chí tình yêu thương đã phát triển giữa cha dượng và con cái của người mẹ qua nhiều năm. Chỉ có một cha dượng đưa con riêng của mình vào cuộc hôn nhân tái hôn, và người mẹ đã nhận nuôi chúng và nuôi dạy chúng như con đẻ của mình. Việc quản lý các cảm xúc cạnh tranh tự nhiên giữa mẹ ruột và mẹ kế về sự chú ý và nguồn lực của cha cũng như về lòng trung thành của các con cũng trở thành một phần của kỹ năng nuôi dạy con sau ly hôn của nhóm người mẹ này.

Một vấn đề khác phát sinh trong việc nuôi dạy con sau ly hôn mà không rõ ràng trong thời kỳ hôn nhân là cha và cha mẹ kế đôi khi thấy một đứa trẻ hấp dẫn hơn những đứa khác và có vẻ không ngần ngại trong việc cung cấp sự chú ý không đồng đều và quà tặng khác biệt. Trong một cuộc tái hôn, cha dượng đã tặng cho cô con gái thiếu niên đáng yêu, hướng ngoại của mình những đặc quyền hào phóng, bao gồm cả trường đại học tư, trong khi bỏ qua anh trai nhút nhát, tài năng của cô, người bị tổn thương sâu sắc vì bị lãng quên. Sợ làm lung lay cuộc hôn nhân mới, người mẹ đã cố gắng bảo vệ con trai mình bằng cách gửi cậu đi học xa. Cậu đã thành công trong sự nghiệp của mình, nhưng báo cáo cảm thấy bị mẹ bỏ rơi. Thái độ khác biệt đối với các anh chị em sau ly hôn và hậu quả của nó đối với trẻ em đã được mô tả chi tiết trong một ấn phẩm trước đây (Wallerstein & Lewis, 2007). Tất cả những thách

thức này đã làm thay đổi vai trò của người mẹ, mở rộng trách nhiệm của người mẹ và ảnh hưởng đến mối quan hệ của người mẹ trong gia đình theo những cách đòi hỏi sự nhận thức liên tục và tế nhị.

Nói chung, mối quan hệ giữa các con trưởng thành và những người mẹ tái hôn, mặc dù gần gũi và ân cần, không có sự gắn bó mạnh mẽ như chúng tôi đã quan sát trong các gia đình nơi các bà mẹ vẫn độc thân. Trẻ em trong nhóm này lớn lên với nhiều lợi thế kinh tế và nuôi dạy mà chúng sẽ được hưởng trong một cuộc hôn nhân có chức năng, nguyên vẹn (functioning, intact marriage). Chúng được hưởng sự chú ý và ân cần nhất quán của mẹ. Giống như những đứa trẻ trưởng thành trong nhóm đầu tiên, chúng yêu thương và tôn trọng mẹ của mình, nhưng chúng không cảm thấy có trách nhiệm với sự ổn định của mẹ và chúng không cảm thấy mẹ cần mình nhiều như vậy. Trẻ em từ các gia đình tái hôn này duy trì sự tôn trọng đối với mẹ, cha ruột và cha dượng của chúng qua những năm tháng tuổi teen đôi khi gập ghềnh và vào thời kỳ trưởng thành của chúng. So với những đứa trẻ trong các nhóm khác xuất hiện trong nghiên cứu này, những người trẻ trong nhóm này có tuổi thơ và tuổi thiếu niên được bảo vệ nhất và có nhiều cơ hội nhất.

Nhóm B: Suy Giảm trong Nuôi Dưỡng: Thường Được Khôi Phục Sau Nhiều Năm

Nhóm B bao gồm 29% các bà mẹ, gồm 14 bà mẹ và 36 đứa trẻ. Trong nhóm này có 5 phụ nữ đã chịu đựng bạo lực thể xác mạn tính (suffered chronic, physical abuse) trong suốt cuộc hôn nhân. Các bà mẹ trong nhóm này trẻ hơn khi ly hôn so với các bà mẹ trong các nhóm trước; tuổi trung bình khi ly hôn là 31,3 tuổi. Hơn một nửa đã kết hôn và sinh con đầu lòng vào cuối tuổi thiếu niên hoặc đầu tuổi hai mươi. Một số người đã bỏ học để kết hôn hoặc kết hôn khi tốt nghiệp- khi họ đã mang thai. Sáu bà mẹ có ba đứa trẻ trở lên. Số còn lại (tám bà mẹ) mỗi người có hai đứa trẻ. Hầu hết con cái của họ đang trong độ tuổi học tiểu học (63%) và nhỏ hơn (26%) tại thời điểm ly hôn. Không có người phụ nữ nào đã thiết lập được sự độc lập về kinh tế trước khi kết hôn. Chỉ có một người đã giữ một công việc ổn định trước khi ly hôn; chỉ có hai người có kỹ năng có thể tìm được việc làm (employable skills).

Tất cả các vụ ly hôn (trừ 2 vụ) là do các bà vợ yêu cầu. Gần một nửa số người chồng cực lực phản đối ly hôn. Sự chia ly thường xuyên xảy ra sóng gió, khi những người chồng bị kích động tiến hành các chiến dịch liên tục, kịch tính để thay đổi quyết định của vợ họ. Đã có những trận cãi vã và ẩu đả giữa các người đàn ông khi người phụ nữ hẹn hò [với người mới] sau khi chia tay.

Các bà mẹ đưa ra nhiều lý do khác nhau cho việc ly hôn, nhưng đồng ý về sự không hạnh phúc kéo dài nhiều năm. Những người đã mang thai và kết hôn ngay sau trung học coi hôn nhân là một sai lầm ngay từ đầu. Họ tuyên bố rằng mình đã trưởng thành kể từ khi kết hôn, không giống như các ông chồng tương ứng của họ, những người họ coi là thiếu trách nhiệm (irresponsible) và vẫn còn trẻ con (childish / trẻ trâu). Hầu hết phàn nàn về việc uống rượu của chồng, thói quen sử dụng ma túy, thường xuyên tổ chức tiệc tùng, lãng nhăng và bạo lực ngày càng tăng. Một người chồng công khai về sự đồng tính của mình. Một người phụ nữ kết luận rằng chồng mình quan tâm nhiều hơn đến những con chó và chiếc xe của anh ta, những bức ảnh anh ta giữ trên bàn làm việc, hơn là cô và con cái của họ.

Các bà mẹ tìm cách cải tổ cuộc sống và xây dựng lại các mối quan hệ thân mật của mình đồng thời họ theo học toàn thời gian, đào tạo nghề đặc biệt, và/hoặc làm việc toàn thời gian. Trong nhóm này, thời gian và năng lượng cảm xúc của các bà mẹ đã được chuyển hướng đến những yêu cầu này. Cuối cùng, sự gắn bó cảm xúc giữa mẹ và con và sự nhất quán trong việc nuôi dưỡng đã bị xói mòn. Trong những năm quan trọng sau ly hôn, nhiều đứa trẻ mô tả cảm giác bị lãng quên, và sự mất mát kết nối và sự chú ý của cha mẹ đã có hậu quả khi các em bước vào những năm tuổi teen đầy rủi ro. Trong thời gian hôn nhân, các bà mẹ đã cố gắng để cung cấp một tuổi thơ được bảo vệ cho con cái của họ. Họ giải thích rằng họ đã cố gắng bù đắp cho sự thất vọng của mình trong hôn nhân và sự thiếu quan tâm hoặc lạm dụng của các người cha bằng cách đầu tư vào vai trò làm mẹ và phụ thuộc nhiều vào tình yêu của con cái nhỏ. Khi các bà mẹ chuyển sự chú ý của mình để tái thiết cuộc sống, các em đã trải nghiệm sự giảm sút về sự chú ý, thời gian và chăm sóc. Những ngôi nhà trống đợi các em sau giờ học và trong những kỳ nghỉ lễ dài. Một phụ nữ trẻ [nay đã trưởng thành], 5 tuổi khi bố mẹ ly hôn, khóc

nức nở khi nhớ lại, “Đó là những năm cô đơn nhất của cuộc đời tôi. Tôi không có ai để nói chuyện và không có ai để chơi cùng.” Các hộ gia đình, bao gồm cả trong các bữa ăn, thường xuyên rơi vào tình trạng hỗn loạn, khi sự chú ý của mẹ chuyển từ việc chăm sóc các con sang công việc và các hoạt động xã hội hoặc giáo dục của mẹ, và đứa trẻ lớn nhất, thường là một thiếu niên miễn cưỡng và bất mãn, hoặc một đứa trẻ 9 tuổi, được giao trách nhiệm phụ trách [trông coi các em]. Không ngạc nhiên, một số đứa trẻ áp dụng kỷ luật bằng cách đe dọa hoặc tát các em nhỏ hơn. Một người mẹ đã gửi ba đứa con của mình đến ở với người chồng cũ bạo lực, nghiện rượu của mình khi cô ấy tái hôn.

Thông thường, sau trung bình bốn năm trở lên, hầu hết các bà mẹ này đã lấy lại được sự cân bằng. Họ tốt nghiệp các trường học và chương trình đào tạo và tìm được công việc toàn thời gian ưng ý. Tất cả mọi người đều tái hôn, trừ 2 người. Một số làm việc trong các doanh nghiệp cùng với chồng mới của họ. Các ông chồng thứ hai thường lớn tuổi hơn và hầu hết đã từng kết hôn trước đó. Khi các hộ gia đình được tổ chức tốt hơn và các thói quen, bao gồm bữa tối gia đình, được thiết lập lại, hầu hết trẻ em đã lấy lại được tiến trình phát triển của mình, nhưng ít nhất một đứa trẻ trong mỗi gia đình vẫn còn rối loạn. Những hậu quả lâu dài bao gồm các thiếu niên tiếp tục đấu tranh với nghiện ngập (addictions) ma túy (drugs), quan hệ tình dục sớm (early sex) và rượu (alcohol). Các cô gái ở ngưỡng tuổi dậy thì đặc biệt dễ bị tổn thương trước sự mất mát đột ngột sự giám sát và hướng dẫn của mẹ. Trong việc giải thích chuyện đôi khi họ [các cô gái tuổi dậy thì] tìm kiếm tình dục một cách cuồng cuồng (frantic search for sexual contact), một số giải thích: “Không phải là tình dục. Tôi chỉ muốn được ôm.” Chỉ có một phần ba số cha thăm nom thường xuyên và đóng vai trò làm cha mẹ.

Trong một số gia đình, sự hòa giải giữa mẹ và con cái trưởng thành xảy ra nhiều năm sau, thường sau một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng trong đó người mẹ đã thực hiện một cuộc cứu trợ thành công. Một sự cứu trợ ngoạn mục như vậy đã xảy ra khi một đứa trẻ trong nghiên cứu, nay là một người mẹ trẻ, đến nhà mẹ mình lúc nửa đêm mang theo hai đứa con nhỏ, sau khi bị chồng say rượu đánh đập. Khi người mẹ đưa con gái và cháu ngoại hoảng sợ vào nhà mình, bà nhớ lại rõ ràng cách mà bà và các con đã rời bỏ người chồng bạo lực nhiều năm trước đó.

Tác động cảm xúc đối với người bà (grandmother) của việc tái hiện cảnh tượng quan trọng đó là áp đảo. Sự gần gũi được tái thiết lập giữa bà, con gái và cháu ngoại đã giúp người mẹ trẻ trở lại trường học và xây dựng lại cuộc sống hỗn loạn của mình.

Năm người mẹ trong nhóm này đã bị lạm dụng thể xác trong nhiều năm và con cái của họ có một con đường phục hồi đặc biệt khó khăn từ những trải nghiệm và ký ức đau thương. Trong một cuộc hôn nhân, bạo lực của người đàn ông là lời mở đầu cho tình dục khi anh ta bắt kịp vợ mình đang bỏ trốn. Cả việc đánh đập và cưỡng hiếp sau đó đều được nghe thấy và nhớ mãi một cách đau đớn và sống động bởi những đứa trẻ nhỏ khiếp sợ. Trong một gia đình khác, người cha say rượu đã bắn súng vào vợ trong khi hét lên cáo buộc cô phản bội. Đứa trẻ 4 tuổi chứng kiến sự việc này đã phải chịu đựng những cơn ác mộng sống động, tái hiện đi tái hiện lại cảnh cố ý giết người, cho đến khi bước vào tuổi ba mươi. Một người phụ nữ trẻ khác đã cố gắng không thành công trong nhiều năm để dập tắt ký ức kinh hoàng khi thấy mẹ mình, trên bốn chân, cố gắng thoát khỏi những cú đánh của chồng. Những báo cáo lâm sàng này phù hợp với nghiên cứu gần đây về tác động sâu sắc của chấn thương lên thần kinh và gắn bó (Lieberman, 2004; Lieberman & Van Horn, 1998).

Việc chia tay với những người chồng bạo hành (abusive husbands) ngay lập tức mang lại lợi ích cho phụ nữ. Họ cảm thấy an toàn hơn và tự hào về thành tựu khó khăn của mình. Nhưng quá trình chuyển đổi đối với những người mẹ bị lạm dụng khi tìm cách lấy lại tuổi trưởng thành và khả năng nuôi dạy con của họ là một con đường gập ghềnh (rocky road). Những phụ nữ bị lạm dụng này cần vài năm để thiết lập sự tự tin vào bản thân họ như những người trưởng thành trước khi họ có thể tái cấu trúc cách nuôi dạy con cái của mình. Sau cuộc ly hôn, mà do phụ nữ khởi xướng, hầu hết những người cha vẫn duy trì việc thăm nom con cái của họ. Hầu hết họ tìm cách khôi phục lại cuộc hôn nhân bằng cách nói với con cái rằng mẹ của chúng không có năng lực và không thể quản lý mà không có sự giúp đỡ của họ. Ngược lại, các bà mẹ đã bị áp bức về mặt cảm xúc trong nhiều năm, bị kiểm soát bởi những người chồng thường xuyên nói với họ rằng họ ngu ngốc và trẻ con và cần một người đàn ông mạnh mẽ để quản lý cuộc sống của họ. Những người

đàn ông tích cực yêu cầu, nhờ vả con cái của họ để thuyết phục mẹ của chúng quay trở lại cuộc hôn nhân. Một số đứa trẻ đã chấp nhận và trở về nhà để khiển trách người mẹ đau khổ của chúng vì đã khởi xướng ly hôn. Một người cha làm nhục con gái mẫu giáo của mình bằng những lời xúc phạm trong những lần thăm nom. Sau khi khen ngợi anh trai của cô bé một cách phô trương, ông ta nói lặp đi lặp lại với đứa trẻ bất hạnh, “Con ngu ngốc như mẹ con, như tất cả phụ nữ / You are stupid like your mother, like all women.” Thật bi thảm, đứa trẻ khi lớn lên, mặc dù thông minh và xinh đẹp, cô gái ấy vẫn phải chịu đựng lòng tự trọng thấp và thường xuyên bị tổn thương bởi những người đàn ông bạo hành. Sự truyền đạt chấn thương qua các thế hệ đã được ghi nhận rõ ràng (Perez, 2009).

Dần dần và đau đớn, các bà mẹ có được sự tự tin vào phán đoán và quyền lực của mình. Sau vài năm thử và sai, họ học cách đưa ra quyết định, quản lý tài chính của mình và đảm nhận vai trò nuôi dạy con tích cực. Họ cần có sức mạnh để giải quyết những vấn đề nghiêm trọng với những hành động của trẻ, chẳng hạn như một thiếu niên 17 tuổi đánh mẹ mình khi bị thất vọng và khoe khoang, “Con đang trở thành giống như bố; tuần trước con đã tát vào mặt bạn gái.” Các bà mẹ thường cảm thấy đau lòng và bị xáo trộn sâu sắc nhưng dần dần có thể giành được tình yêu và sự tôn trọng của những đứa trẻ ban đầu đã đồng nhất với những người cha bạo lực, quyền lực của chúng. Đôi khi sự đánh giá lại của những đứa trẻ về người mẹ diễn ra nhanh hơn khi chúng chứng kiến cha đánh vợ mới của mình. Thường mất nhiều năm để trẻ em phục hồi từ những tác động đa dạng của bạo lực mà chúng đã chứng kiến, và cho mối quan hệ mẹ - con được chữa lành. Tất cả những người phụ nữ bị lạm dụng đã tái hôn đã chọn những người đàn ông ổn định hơn mang lại cảm giác tôn trọng và trật tự cho ngôi nhà của họ. Một số cha dượng trong nhóm này đã cung cấp tình yêu thương và khích lệ cho con riêng của họ. Một người đàn ông trẻ nói về cha dượng của mình một cách yêu thương: “Bố đẻ của con là kẻ thất bại,” anh nói. “Cha dượng mới là cha thực sự của con.” Những ví dụ này minh họa rằng sự sửa chữa là có thể nếu có một môi trường cảm xúc được điều chỉnh / corrective emotional environment (Taylor, 2004; Appleyard & Osofsky, 2003).

Nhóm C: Sụp đổ trong Nuôi Dưỡng của Mẹ

Nhóm C, chiếm một phần tư số bà mẹ trong nghiên cứu, bao gồm 12 phụ nữ và 24 đứa trẻ. Tuổi trung bình của họ là 35,1 tuổi. Điều đáng chú ý hơn là nhóm này bao gồm phụ nữ ở cả hai đầu của phổ tuổi, bao gồm hai người 18 tuổi đã bỏ rơi con cái và năm phụ nữ trên 40 tuổi, là những người lớn tuổi nhất trong nghiên cứu. Hai trong số các bà mẹ có ba đứa trẻ mỗi người, tám người có hai đứa trẻ, và hai người còn lại mỗi người có một đứa trẻ. Sáu mươi hai phần trăm trong số những đứa trẻ này đang trong độ tuổi học tiểu học (6 - 12 tuổi), 21% là thanh thiếu niên (13 - 18 tuổi), và 17% từ 5 tuổi trở xuống.

Những phụ nữ này rất mong manh trong điều chỉnh tâm lý. Trong suốt cuộc hôn nhân, họ đã chịu đựng các vấn đề sức khỏe thể chất lâu dài và khó khăn về tâm lý, bao gồm nghiện rượu, trầm cảm nghiêm trọng đòi hỏi nhập viện định kỳ, hội chứng lưỡng cực, và chứng sợ hãi hạn chế khả năng di chuyển và năng lực của họ. Cuộc ly hôn và những yêu cầu của vai trò mới sau ly hôn nhanh chóng làm cạn kiệt khả năng nuôi dạy con cái của họ (capacity as parents). Sau khi ly hôn, họ đã vật lộn với cơn hoảng loạn gia tăng khi họ suy nghĩ về tương lai mà họ dự đoán sẽ ngày càng cô đơn (loneliness) và nghèo khó (poverty). Không ai có kế hoạch thực tế về cách họ sẽ chăm sóc cho các con; tất cả những đứa trẻ đều được giao cho họ giữ quyền nuôi. Mặc dù một số (42%) đã làm việc bán thời gian trong thời gian hôn nhân, chỉ có ba người có thể làm việc sau khi ly hôn. Phụ nữ trên 40 tuổi đặc biệt bi quan về tương lai của họ. Một số đã suy sụp thành tình trạng bất lực (helplessness) và xuống cấp (dilapidated). Có vẻ như các sự kiện xung quanh cuộc ly hôn đã gây ra một sự sụp đổ bi thảm và dẫn đến sự sụp đổ lâu dài trong việc nuôi dạy con cái, điều này thật bi thảm cho họ và cho các con. Thật đáng buồn, họ không hồi phục trong suốt 25 năm sau ly hôn. Một người mẹ đã tự tử 10 năm sau khi chia tay. Một nửa số người tái hôn hoặc có đối tác mới, phần lớn với những người đàn ông không ổn định. Các cuộc hôn nhân thứ hai có lịch sử rắc rối.

Đa số những người phụ nữ này đã có thể hoạt động như những bậc cha mẹ trước khi ly hôn. Họ yêu thương con cái và có thể nuôi dạy con với người giúp việc được thuê có kỹ năng, và họ [người mẹ] được chăm sóc tâm thần, y tế tốt. Cấu trúc của cuộc hôn nhân và sự ổn định tài

chính đã cung cấp trật tự và tính liên tục cho cuộc sống hàng ngày của gia đình. Nhiều người cũng đã tận hưởng sự hỗ trợ và tình cảm của chồng họ khi họ còn trẻ. Một người chồng trẻ tận tụy đã sắp xếp công việc của mình để có thể ở nhà chăm sóc hai đứa con trong những đợt nhập viện định kỳ của vợ anh ta vì những cơn trầm cảm tái phát. Tất cả những nguồn lực này đã biến mất sau khi ly hôn.

Trong một nửa số gia đình này, các bà mẹ đã bốc đồng khởi xướng việc chia tay mà không có kế hoạch cho tương lai của họ hoặc chăm sóc tương lai cho con cái của họ. Ba người mẹ trong nhóm này đã bốc đồng bỏ đi, để lại con cái cho người cha, người hoàn toàn không được chuẩn bị sẵn sàng cho việc chăm sóc chúng. Trong nửa còn lại của các gia đình, người cha đã khởi xướng việc ly hôn, thường là không báo trước cho vợ mình. Một người chồng đã nộp đơn ly hôn trong cơn thịnh nộ ngay sau khi vợ ông ta cố tự tử. Không có người cha nào yêu cầu quyền nuôi con hay mở rộng thời gian thăm nom vào thời điểm ly hôn, mặc dù họ hoàn toàn nhận thức được những khó khăn nghiêm trọng của vợ mình. Hai người đàn ông biến mất. Mặc dù đa số những người đàn ông này là những chuyên gia hoặc doanh nhân có thu nhập cao, không có thỏa thuận ly hôn nào cung cấp quỹ cho việc điều trị tâm thần tiếp tục hoặc trợ giúp gia đình trong các sắp xếp cuộc sống cho vợ cũ của họ. Mất đi cấu trúc của cuộc hôn nhân, đã từng là trụ đỡ thiết yếu cho chất lượng nuôi dạy con cái của họ, và trong sự thiếu hỗ trợ cho việc chuyển tiếp, nhóm các bà mẹ này không thể duy trì sự gắn bó mẫu tử thích hợp với con cái (maternal attachment to their children) hoặc việc nuôi dạy có trách nhiệm (responsible parenting).

Trẻ em thiếu niên trong hầu hết các gia đình này đã phải đảm nhận trách nhiệm chính cho việc chăm sóc cá nhân và sau đó là chăm sóc tài chính cho mẹ của chúng. Một người phụ nữ nghiện rượu được chăm sóc bởi con gái út của mình, người đã dành tuổi thiếu niên của mình để đưa người mẹ say xỉn về từ các quán bar và đường phố. Hơn một nửa số bà mẹ sống nhờ vào tiền cấp dưỡng của con cái, trợ cấp xã hội và sự chăm sóc của con cái thiếu niên hoặc đã trưởng thành của họ.

Cuộc sống cá nhân của những đứa trẻ bị ám ảnh bởi những vấn đề nghiêm trọng. Sự lảng nhãng của những phụ nữ trẻ là một triệu chứng

nổi bật. Mặc dù nhiều người cha tiếp tục gặp gỡ con cái và một số đã đưa chúng về nhà sau khi chúng bước vào tuổi thiếu niên, không có người cha nào nhận ra sự tuyệt vọng của con cái khi chúng kiến mẹ của chúng sụp đổ. Chỉ có một gia đình có ông bà chú ý đến hoàn cảnh khó khăn của cháu. Bảy thiếu niên cuối cùng được cứu hộ bởi cha của chúng, với sự khuyến khích của mẹ kế mới. Chúng được đưa về nhà cha và được gửi đến trường đại học và trường nghề. Những đứa trẻ còn lại có cuộc sống thiếu thốn và khó khăn. Về bản chất, chúng tự nuôi dưỡng chính mình. Sự giận dữ với cha của chúng là rất cao vì sự thất bại trong việc can thiệp. Như một phụ nữ trẻ đã nói với chúng tôi: “Ông ấy có rất nhiều trong khi mẹ con tôi đang đói khát.” Mười một trong số 24 đứa trẻ bỏ học sớm, nhận các công việc không có kỹ năng (unskilled jobs), thấp hơn nhiều so với khả năng của chúng. Tất cả đều phải vật lộn với sự mất mát, những mối quan hệ không lành mạnh, sự xấu hổ và sự khổ sở từ việc bị cha bỏ rơi và không thể cứu giúp người mẹ ốm yếu của chúng. Niềm khao khát mãnh liệt của họ về gia đình nguyên vẹn thời thơ ấu vẫn tiếp tục mãnh liệt. Khi trưởng thành, một số bức ảnh mà họ mang theo bất cứ đâu là ảnh của gia đình hoàn chỉnh, bao gồm chính họ khi còn là trẻ em. Họ đang trong quá trình tang thương liên tục.

Thảo luận

Việc xem xét kỹ lưỡng mối quan hệ mẹ con trong một nhóm dân số trung lưu, có học thức, không kiện tụng trong suốt 25 năm sau ly hôn có ý nghĩa về mặt lâm sàng cũng như pháp lý. Nghiên cứu cho thấy ly hôn là cánh cửa dẫn đến những thay đổi lớn trong cuộc sống của phụ nữ ly hôn, đã thay đổi mô hình cuộc sống hàng ngày của họ và dẫn đến một loạt các phản ứng. Phạm vi thấp nhất chứa đầy những hệ quả đáng lo ngại và đau thương, và phạm vi cao nhất đạt được những thay đổi nâng cao trong mối quan hệ mẹ con, khi cả mẹ và con thích nghi thông qua sự kiên cường phục hồi (resilience) hoặc điều chỉnh (adjustment), với những yêu cầu không khoan nhượng và phần lớn không được dự báo của môi trường hậu ly hôn. Phân tích độc đáo này sử dụng cái nhìn dài hạn về mặt định tính và định lượng và ghi nhận những thay đổi trong việc nuôi dạy con cái trong suốt 25 năm sau ly hôn. Nghiên cứu cung cấp sự hiểu biết đầy đủ và chính xác hơn về toàn bộ trải nghiệm ly hôn

đối với mẹ và con cái cùng với lời giải thích đầy đủ hơn cho những kết quả đáng lo ngại được báo cáo rộng rãi cho nhiều trẻ em. Bức tranh về ly hôn nổi lên khác biệt đáng kể so với quan điểm về ly hôn như một cuộc khủng hoảng có thời hạn mà đưa trẻ và phụ huynh kiên cường sẽ sớm phục hồi nếu xung đột của phụ huynh có thể được giải quyết một cách hợp lý hoặc hòa giải thành công và trẻ em có thể tiếp tục liên lạc thường xuyên với cả hai cha mẹ. Thay vào đó, chúng tôi báo cáo một thời gian chuyển tiếp và tái thiết lập kéo dài trong đó các bà mẹ và trẻ em thường phải vật lộn trong nhiều năm để giành hoặc lấy lại sự ổn định về kinh tế và cảm xúc. Mối quan hệ giữa người cha và con cái của họ cũng cho thấy nhiều sự gián đoạn liên lạc không mong muốn sau khi người cha có đối tác mới. Chúng tôi kết luận rằng, sau ly hôn, gia đình mà trẻ em trải nghiệm theo nhiều cách là một gia đình hoàn toàn khác so với gia đình mà chúng đã biết trước đây, không chỉ về cấu trúc và mối quan hệ giữa các bậc cha mẹ, mà còn trong các mối quan hệ có sẵn và sự gắn bó tình cảm cũng như sự hỗ trợ kinh tế được cung cấp cho trẻ vị thành niên (minor children) bởi một hoặc cả hai cha mẹ của chúng.

Chỉ có một nửa số bà mẹ trong nghiên cứu này có thể duy trì mối quan hệ nuôi dưỡng mà họ đã tạo ra cho con cái của họ trước đây [ý là duy trì được chất lượng nuôi dưỡng tương tự như thời trước ly hôn]. Họ đã thành công trong việc kết hợp việc nuôi dưỡng trẻ em một cách có trách nhiệm, nhạy cảm với công việc toàn thời gian và quản lý độc lập hộ gia đình. Một số người đã làm điều này bằng cách hy sinh cơ hội nghề nghiệp và sự quan tâm đến việc tái hôn hoặc có đối tác mới, dành ưu tiên tuyệt đối cho việc chăm sóc con cái của họ. Những người khác trong nhóm này có thể duy trì việc nuôi dạy con cái có trách nhiệm sau khi tái hôn thành công, điều này đã cung cấp sự hỗ trợ tài chính và tình cảm, mặc dù đôi khi bị ảnh hưởng bởi xung đột giữa cha dượng và con riêng cũng như giữa cha ruột và cha dượng, điều này đòi hỏi sự cảnh giác liên tục của phụ nữ để tránh làm gián đoạn cuộc tái hôn. Trong một phần ba các gia đình ly hôn khác, sự có mặt và hướng dẫn của mẹ bị cắt ngắn đột ngột trong bốn năm hoặc nhiều năm quan trọng sau khi chia tay, khi phụ nữ ưu tiên tìm kiếm việc làm phù hợp, cải thiện kỹ năng có giá trị trên thị trường lao động (marketable skills) thông qua đào tạo và giáo dục, khôi phục lại mạng lưới xã hội của họ, và tìm cách thay thế

các mối quan hệ thân mật của người lớn [ý là tìm bạn tình mới]. Mặc dù đa số con cái của họ đã lấy lại nhiều tiến bộ phát triển trước đây khi cấu trúc gia đình và sự có mặt của mẹ được khôi phục, một đứa trẻ trong mỗi gia đình trong đó trẻ em tạm thời bị đặt vào vị trí thứ yếu trong sự chú ý của mẹ vẫn tiếp tục gặp khó khăn về tâm lý và thất bại trong giáo dục. Những đứa trẻ thiếu niên, đặc biệt là những đứa trẻ bước vào tuổi thiếu niên trong những năm quan trọng khi sự có mặt của mẹ bị giảm sút, đã bị cuốn vào ma túy, rượu, quan hệ tình dục sớm, và bỏ học (school drop-out). Những kết quả này được hỗ trợ trong các nghiên cứu tiếp theo về hành vi mạo hiểm ở những cá nhân bị rối loạn gắn bó (attachment disordered) hoặc bị tổn thương / traumatized (Perez, 2009). Cuối cùng, sự sụt giảm nghiêm trọng và có hậu quả lớn nhất trong việc nuôi dạy con cái xảy ra đối với một phần tư số phụ nữ đã phải vật lộn trong nhiều năm với các triệu chứng tâm thần, bao gồm trầm cảm và nghiện rượu. Việc nuôi dạy trở nên không thể vì các thỏa thuận ly hôn không xem xét đến nhu cầu cấp thiết về hỗ trợ tài chính kéo dài cho chăm sóc y tế và tâm lý và trợ giúp gia đình. Do sự bỏ sót pháp lý và nhân đạo này, những thiếu niên không được chuẩn bị và đang đau khổ trở thành những người chăm sóc tài chính và tình cảm lâu dài cho mẹ của họ. Thiếu sự hướng dẫn của người lớn và sự hỗ trợ tài chính từ cả hai cha mẹ, nhiều đứa trẻ phải vật lộn với nghèo đói, các vấn đề tâm lý nghiêm trọng, và giáo dục hạn chế. Một nhóm nhỏ được cứu hộ bởi cha đã tái hôn của chúng, với sự đồng ý của mẹ kế, sau khi chúng bước vào tuổi thiếu niên, và được cung cấp một ngôi nhà an toàn và giáo dục tốt. Những phụ nữ đã bị lạm dụng trong suốt cuộc hôn nhân dần dần thành công trong vài năm trong việc chịu trách nhiệm cho bản thân và con cái của họ, và đã cải thiện đáng kể khả năng cung cấp hướng dẫn trưởng thành cho con cái của họ.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tầm quan trọng cốt yếu của sự chăm sóc và sẵn sàng liên tục của các bà mẹ trong những năm ngay sau ly hôn đối với tất cả trẻ em, nhưng đặc biệt là đối với những thanh thiếu niên và trẻ em bước vào tuổi dậy thì. Đang vật lộn với cảm giác cô đơn, giận dữ và bối rối sau khi cha mẹ chia tay, sự cần thiết của những đứa trẻ này khiến chúng dễ bị ảnh hưởng bởi bạn bè và những lời dụ dỗ hấp dẫn của những giọng nói phạm pháp. Công trình nghiên cứu trước đây của chúng tôi đã chỉ ra rằng, tùy thuộc vào nhu cầu và yêu cầu của trẻ

em ở các độ tuổi khác nhau, người mẹ ly hôn nặng gánh thường có khả năng ưu tiên chăm sóc trẻ em nhỏ hơn và kỳ vọng sự độc lập sớm từ những thanh thiếu niên trẻ (Wallerstein & Blakeslee, 1989). Hơn nữa, xã hội đã lâu nay nhận thức được tầm quan trọng của sự chăm sóc và giám sát nhất quán đối với trẻ em nhỏ. Nghiên cứu của chúng tôi nhấn mạnh nhu cầu cao hơn của các thanh thiếu niên, đặc biệt là các cô gái trẻ dậy thì, về sự hiện diện của mẹ trong những năm ngay sau ly hôn. Điều này xảy ra đồng thời khi người mẹ trải qua những áp lực và gánh nặng lớn hơn. Nghiên cứu của chúng tôi cũng báo cáo về sự khó khăn tăng lên của các bà mẹ và trẻ em trong các gia đình có hai hoặc nhiều con cái. Người ta chưa nhận thức đủ rằng người mẹ ly hôn phải chịu trách nhiệm chăm sóc và nuôi dạy nhiều đứa trẻ vị thành niên đối mặt với cuộc sống hậu ly hôn đầy đòi hỏi, thường xuyên kiệt sức, như chúng tôi đã phát hiện, với ít hoặc không có sự giúp đỡ trực tiếp từ người chồng cũ đã tái hôn (repartnered fathers) hoặc các thành viên trong gia đình mở rộng (extended family members / họ hàng), bao gồm cả ông bà.

Những phụ nữ hưởng lợi nhiều nhất từ việc ly hôn và có thể tiếp tục nuôi dạy con cái một cách có năng lực là những người đã tìm kiếm, khởi xướng ly hôn và có thể tái hôn một cách hạnh phúc ngay sau khi chia tay. Những phụ nữ này bước vào cuộc sống sau ly hôn với các kỹ năng có thể mang lại thu nhập, bao gồm lịch sử làm việc ngoài nhà và, trong hầu hết các trường hợp, có những công việc mà họ ưa thích và được trả lương hợp lý. Công việc của họ cũng cung cấp cơ hội tiếp xúc với đàn ông và phụ nữ trưởng thành, những người đã giúp họ xây dựng lại mạng lưới xã hội mới để thay thế cho mạng lưới họ đã mất sau khi ly hôn, và thường đó là nơi họ gặp người bạn đời mới của mình.

Những phát hiện từ nghiên cứu này có ý nghĩa cho chương trình nghị sự của các tòa án. Đã trở thành thông lệ ở nhiều tòa án để yêu cầu đánh giá lịch sử và chất lượng hiện tại của mối quan hệ cha mẹ - con cái trong các gia đình tranh chấp về cách sắp xếp cuộc sống sau ly hôn cho trẻ vị thành niên. Các thay đổi được thấy nhiều trong mối quan hệ mẹ con và cha con mà chúng tôi báo cáo theo sau cả ly hôn và tái hôn trong nhiều năm khiến chúng tôi đặt câu hỏi về giá trị của những đánh giá này vào thời điểm chia tay. Sự phụ thuộc vào đánh giá theo lệnh của tòa án dựa trên kỳ vọng ngầm (implicit expectation) rằng chất lượng các

mối quan hệ rõ ràng vào thời điểm chia tay có khả năng sẽ tiếp tục. Do đó, người ta cho rằng mối quan hệ rõ ràng vào thời điểm đó, có thể được sử dụng một cách đáng tin cậy cho quyết định của tòa án để bảo vệ lợi ích của trẻ, bao gồm lựa chọn quyền nuôi con. Mặc dù không ai có thể tranh cãi rằng việc điều tra sự hiện diện của bệnh tâm thần nghiêm trọng ở cha mẹ hoặc trẻ em và sử dụng những phát hiện như vậy để bảo vệ trẻ là rất quan trọng, các nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng một nửa các mối quan hệ mẹ con và một số lượng đáng kể lớn hơn các mối quan hệ cha con đã thay đổi đáng kể trong những năm sau ly hôn theo những cách không rõ ràng hoặc không thể dự đoán được vào thời điểm ly hôn. Dữ liệu của chúng tôi cũng cho thấy những thay đổi lớn trong việc nuôi dạy con cái theo sau tái hôn và có đối tác mới, điều này không thể dự đoán từ quan sát trong quá trình chia tay. Nghiên cứu cũng làm sáng tỏ sự phức tạp của các yếu tố đã định hình việc nuôi dạy con cái sau ly hôn, và những yêu cầu lớn hơn đặt ra cho trẻ em để đạt được sự độc lập sớm hơn trong các gia đình ly hôn. Người mẹ ly hôn được yêu cầu phải đi sâu vào nguồn cảm xúc của mình để tìm thấy năng lượng, ý chí và can đảm để bắt đầu xây dựng lại gia đình của mình. Lịch sử của cuộc hôn nhân và các yếu tố dẫn đến sự sụp đổ của nó có ảnh hưởng lớn đến tâm trạng, sức mạnh và cuộc đấu tranh của cô ấy. Chúng vẫn có ảnh hưởng đến thái độ mà cô ấy mang đến để xây dựng một cuộc sống mới, cũng như trong quan điểm của cô ấy về đàn ông và tái hôn, và các giá trị mà cô ấy truyền đạt cho con cái một cách có ý thức hoặc vô thức. Những yếu tố có ảnh hưởng khác trong việc định hình cách nuôi dạy con cái của người mẹ bao gồm tuổi tác của người mẹ, nguồn lực giáo dục và nghề nghiệp, cũng như sức khỏe thể chất và tâm lý của cô ấy. Việc liệu có sự trợ giúp y tế và tâm thần sẵn có cho cô ấy trong thời gian hôn nhân được bao gồm trong thỏa thuận ly hôn cũng quan trọng. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, mặc dù nhiều người chồng có khả năng tài chính để tiếp tục trả cho việc chăm sóc y tế và tâm lý, nhưng không có sự giúp đỡ nào được cung cấp để giúp phụ nữ trong những năm khó khăn sau khi chia tay. Số lượng trẻ em cần sự chăm sóc của người mẹ cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự điều chỉnh và nuôi dạy con cái sau ly hôn của cô ấy.

Nghiên cứu này cũng rõ ràng cho thấy các mô hình gắn kết ban đầu có thể thay đổi bởi kinh nghiệm cuộc sống sau này. Mặc dù khả năng làm

cha mẹ ban đầu được gốc rễ từ các mô hình gắn kết chủ đạo và sự đồng nhận của cha mẹ từ những trải nghiệm đầu đời của chính họ khi còn là trẻ sơ sinh và trẻ đang phát triển, thì vào tuổi trưởng thành, một loạt các yếu tố xã hội và tâm lý bổ sung dường như ngày càng có ảnh hưởng hoặc quyết định. Trong cuộc hôn nhân ổn định, việc nuôi dạy con cái được tiếp năng lượng hàng ngày bởi tình yêu hôn nhân và sự thân mật tình dục, bởi những cuộc trò chuyện trước khi ngủ của cha mẹ, bởi sự hiện diện không ngừng của trẻ em, và những vấn đề luôn thay đổi mà cha mẹ được yêu cầu giải quyết và giải quyết cùng nhau. Sự vắng mặt của sự củng cố liên tục này, mà cuộc hôn nhân có chức năng cung cấp, dường như có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của nhiều mối quan hệ cha mẹ - con cái, đặc biệt là khi có sự cạnh tranh với nhu cầu mạnh mẽ của người lớn đã ly hôn đối với tình dục, tình yêu và bạn đời (companionship). Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy rằng tái hôn hoặc có đối tác mới cũng như ly hôn có khả năng mạnh mẽ trong chuyện thay đổi mối quan hệ mẹ con. Cả việc nuôi dạy con cái một mình và nuôi dạy con trong một mối quan hệ mới đại diện cho một trải nghiệm khác biệt so với nuôi dạy con trong một cuộc hôn nhân có chức năng (functioning marriage) về mặt yêu cầu cảm xúc, phần thưởng và sự hỗ trợ.

Dường như, giống như chiếc hộp của Pandora, nghiên cứu của chúng tôi mở ra một chiếc hộp chứa đầy những quan sát thách thức một số giả định được chấp nhận lâu dài của chúng ta và chỉ ra những nguy hiểm đặc biệt trong những năm sau ly hôn. Do đó, trái ngược với quan điểm phổ biến, kết quả của chúng tôi là nhiều đứa trẻ được nuôi dưỡng tốt và được bảo vệ trong những cuộc hôn nhân mà một hoặc cả hai cha mẹ cảm thấy không hạnh phúc. Cảm thấy không hài lòng với cuộc hôn nhân, nhiều phụ nữ đã chọn ưu tiên hơn nữa cho việc chăm sóc con cái của họ. Sự bảo vệ này dường như hoạt động tốt, đặc biệt là với trẻ nhỏ. Nhiều đứa trẻ trong nghiên cứu này đã có tuổi thơ hạnh phúc và đạt được mục tiêu học tập và phát triển trong suốt cuộc hôn nhân thất bại [của cha mẹ]. Những người đã thành công trong việc thích nghi với những yêu cầu thay đổi của gia đình sau ly hôn và sự hỗ trợ giảm từ cha mẹ đã được yêu cầu trở nên độc lập hơn và trưởng thành hơn về mặt cảm xúc trong những năm tiếp theo.

Cũng bất ngờ là sự giúp đỡ trực tiếp, thực tế (hands-on help) bị giới hạn hoặc không có mà các bà mẹ nhận được từ cha (chồng cũ) và các thành viên gia đình mở rộng, bao gồm cả ông bà, những người thường sống cách xa. Nhiều tòa án không đồng cảm với yêu cầu của một người mẹ được phép trở về sống gần gia đình của mình để tận dụng sự giúp đỡ mà gia đình mở rộng của cô ấy đã bày tỏ sẵn sàng và có khả năng cung cấp. Nghiên cứu này gợi ý rằng chính sách này nên được xem xét lại, đặc biệt là khi người mẹ sẽ được kỳ vọng nuôi dạy hai hoặc nhiều trẻ nhỏ.

Cuối cùng, phần lớn sự nhấn mạnh trong tư vấn ly hôn tại thời điểm chia tay là giải quyết xung đột giữa các bậc cha mẹ (resolving conflict between the parents). Mặc dù một số sự thỏa hiệp giữa các bậc cha mẹ là cần thiết để giải quyết các vấn đề pháp lý và tài chính, chắc chắn sẽ hữu ích cho cha mẹ nếu họ tận dụng thời gian trước cuộc chia tay cuối cùng, để chuẩn bị về mặt cảm xúc cho chương mới trong cuộc đời họ, và chuẩn bị một cách thực tế cho những trách nhiệm mới và những thay đổi sắp tới trong mối quan hệ và thời gian có sẵn với con cái của họ.

Hạn chế của Nghiên cứu

Nghiên cứu theo dõi dài hạn như nghiên cứu này, kéo dài nhiều thập kỷ, từ đầu những năm 1970 đến cuối thế kỷ 20, mang lại một góc nhìn dài hạn độc đáo và quý giá, và không tránh khỏi việc mô tả những điều kiện khác biệt theo những cách quan trọng so với hiện tại. Không giống như nhiều phụ nữ trong nghiên cứu, phụ nữ ngày nay được giáo dục tốt hơn và chuẩn bị để bước vào một thị trường mở cửa và thân thiện hơn và ít phụ nữ làm nội trợ toàn thời gian. Tuy nhiên, do suy thoái kinh tế gần đây, áp lực kinh tế đối với phụ nữ và đàn ông đã ly hôn có khả năng vẫn nặng nề, đặc biệt là đối với các bậc cha mẹ có nhiều con để nuôi dưỡng và giáo dục. Hơn nữa, nhiều bà mẹ đã kết hôn và có con nhỏ ngày nay làm việc bán thời gian, và họ được thúc đẩy sau ly hôn để tìm kiếm việc làm toàn thời gian, cùng với nhiều giờ chăm sóc ban ngày cho con cái của họ.

Phù hợp với luật pháp và bầu không khí xã hội của những năm 70, trẻ em trong nghiên cứu này đều nằm trong quyền nuôi dưỡng độc quyền của mẹ (sole custody of their mothers). Quyền nuôi dưỡng chung (joint

custody) hiện nay được hỗ trợ ngày càng tăng. Thật không may, có rất ít nghiên cứu dài hạn về mối quan hệ mẹ con sau ly hôn và còn ít hơn nữa là các nghiên cứu về kết quả lâu dài của trẻ em được nuôi trong quyền nuôi dưỡng chung, hoặc những đứa trẻ được nuôi dưỡng trước và sau khi tái hôn của một hoặc cả hai bậc cha mẹ, điều này sẽ cho phép so sánh đúng đắn các kết quả giữa cha mẹ và con cái. Các kết quả của trẻ em được báo cáo trong một nghiên cứu định tính dài hạn duy nhất về trẻ em được nuôi trong quyền nuôi dưỡng chung được hòa giải (mediated joint custody), được mô tả trong phần tổng quan tài liệu nghiên cứu, không cho thấy sự khả quan (Johnston và cộng sự, 2009). Cuối cùng, vì đây là một nghiên cứu định tính về một nhóm dân cư tương đối nhỏ, tương đối đồng nhất, và theo một số cách, thuộc tầng lớp có đặc quyền, được thiết kế để tạo ra các giả thuyết về quá trình nuôi dạy con cái của mẹ trong gia đình ly hôn, ưu tiên sẽ là kiểm tra sự xuất hiện của những phát hiện này trong các nhóm dân cư lớn và đa dạng hơn.

- Hết -

Lời của người biên tập: Nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (lyhon.org)

Link gốc bản tiếng Anh:

<https://d1wqtxts1xzle7.cloudfront.net/87717331/Wishbone2942014DaughtersofDivorce2-libre.pdf>

Mặc dù cố gắng hết sức, nội dung của bản dịch khó tránh khỏi sai sót, mong quý vị thông cảm. Nếu quý vị có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản 3 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 21/07/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trong tài liệu sẽ có thông báo rõ ràng về phiên bản để độc giả phân biệt.